

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25/7/2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Tường Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Đức Dũng;

+ Bà Lại Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Chồng Cầu M, sinh năm: 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 9, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (*Có mặt*)

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: tổ 9, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10 tháng 5 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Chồng Cầu M trình bày: bà và ông Nguyễn Văn M tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, cưới nhau và chung sống với nhau vào năm 1999. Tuy nhiên, đến năm 2013 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C. Đây là hôn nhân đầu tiên của hai người.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 1 thời gian thì cách đây 4 năm phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông M không chịu làm ăn để lo cho gia đình mà thường xuyên cờ bạc; ông còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhiều lần bà khuyên ông từ bỏ để quay về với gia đình nhưng ông vẫn không nghe. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không thể hòa hợp để có thể chung sống với nhau;

vợ chồng đã sống ly thân cách đây hơn 1 năm. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông M nên bà yêu cầu được ly hôn với ông.

- Về con chung: vợ chồng có 03 con chung là:
 - + Cháu Nguyễn Thị Tuệ S – Sinh ngày: 30/12/1999;
 - + Cháu Nguyễn Anh V – Sinh ngày: 10/9/2003;
 - + Cháu Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 16/12/2006.

Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu T, còn cháu S đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản là 1 thửa đất và căn nhà trên đất, tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản.
- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/3/2019, bị đơn là ông Nguyễn Văn M trình bày: ông thống nhất thời gian chung sống và thời gian kết hôn với bà M. Về mâu thuẫn vợ chồng: ông cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ vì bà M nghe lời bạn bè nên đã nghi ngờ, ghen tuông chứ bản thân ông không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ nào khác.

Nay bà M yêu cầu ly hôn thì tự bà M quyết định, ông đề nghị không cần hòa giải đoàn tụ.

- Về con chung: đối với cháu S đã đủ tuổi trưởng thành và đã đi làm; còn cháu V và cháu T theo nguyện vọng của các cháu muốn ở với ai thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng và người không trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung: tự vợ chồng thỏa thuận.
- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký và người tham gia tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án đã vi phạm thời gian chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự, xét yêu cầu ly hôn của bà M với ông M là có cơ sở nên chấp nhận. Về con chung: vì các con có yêu cầu được ở với mẹ và ông M cũng đồng ý theo nguyện vọng các con. Nên chấp nhận yêu cầu của bà M là giao cháu V và cháu T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng. Các vấn đề khác không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Chồng Cẩu M có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi con đối với ông Nguyễn Văn M nên xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Do bị đơn có HKTT và hiện đang cư trú tại xã B, huyện C (theo sổ hộ

khẩu BL 4, 5, 6. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- Ông M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt. Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay HĐXX xét xử vắng mặt đối với ông M là phù hợp theo quy định tại Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung: - Về quan hệ hôn nhân: bà Chồng Cầu M và ông Nguyễn Văn M tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn và đã được UBND xã B, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 – Quyền số 1/2013 ngày 07/10/2013. Vì vậy, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, vì vợ chồng có mâu thuẫn nên bà M yêu cầu ly hôn đối với ông M. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Chồng Cầu M nhận thấy: mặc dù hai đương sự không thống nhất về mâu thuẫn vợ chồng nhưng cả bà M và ông M đều khai rằng cả 02 đã không còn chung sống với nhau đến nay đã hơn 1 năm. Bà M yêu cầu ly hôn nhưng ông M cũng không muốn Tòa án hòa giải để đoàn tụ. Điều đó cho thấy cả 2 đã không còn mong muốn chung sống với nhau. Mà theo quy định tại Điều 19 Luật HN&GD có quy định: vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Đối với quy định trên thì ông bà không thực hiện được. Điều đó cho thấy rằng: việc ông bà không thực hiện được quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đã làm cho hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông M là phù hợp nên chấp nhận.

- Về con chung và cấp dưỡng: cả hai thống nhất có 03 con chung là các cháu

+ Cháu Nguyễn Thị Tuệ S – Sinh ngày: 30/12/1999;

+ Cháu Nguyễn Anh V – Sinh ngày: 10/9/2003;

+ Cháu Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 16/12/2006.

Hiện cháu S đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết nghĩa vụ nuôi dưỡng của bà M, ông M. Đối với cháu V và cháu T cả 2 cháu đều có yêu cầu được ở với mẹ (là bà M); bà M có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu và ông M cũng có lời khai là tùy nguyện vọng của các cháu muốn ở với ai thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, xét thấy yêu cầu của bà M trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu T là phù hợp nên ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà M không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung và ông M cũng không đồng ý cấp dưỡng. Vì vậy, Tòa án không xem xét giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông M.

- Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét nên không giải quyết.

[3] Về án phí: bà M phải nộp án phí DSST về ly hôn số tiền là 300.000 đồng.

* Quan điểm của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của BLTTDS; các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật HN&GD; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Chồng Cầu M được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: giao cháu Nguyễn Anh V – Sinh ngày: 10/9/2003 và cháu Nguyễn Anh T – Sinh ngày: 16/12/2006 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét nghĩa vụ cấp dưỡng của ông M do không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Bà Chồng Cầu M phải nộp 300.000 đồng án phí DSST về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại biên lai thu tiền số 004284 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; bà M đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã B, h. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tường Vy